

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được soát xét bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3517 1936 Fax: (08) 3517 1935

Tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	05 - 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	08
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 - 11
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	12 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này.

Vốn điều lệ: 58.619.400.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Giám đốc khối Tài chính Kế toán – Hành chính nhân sự (<i>miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2015</i>)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 15-2-0047/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 08 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 34.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành khác. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 6 - chứng khoán thương mại, hoạt động của Công ty không còn nghiệp vụ tự doanh. Số dư của khoản đầu tư chứng khoán thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là số tiền đầu tư trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 – Thông tư hướng dẫn về thành lập công ty chứng khoán. Công ty có cam kết về việc sẽ giảm khoản mục đầu tư này theo đúng quy định về tổ chức hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.


Ngoài ra, khoản lỗ lũy kế của Công ty tính đến 30 tháng 06 năm 2015 là (12.578.568.702) đồng, chiếm tỷ lệ 20,55% vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 07 (bảy) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 06 (sáu) bản, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội



Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1


Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2015 VND</i>	<i>01/01/2015 VND</i>
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		67.147.009.678	53.895.322.627
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>39.106.627.676</i>	<i>13.311.902.379</i>
1. Tiền	111	4	39.106.627.676	13.311.902.379
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>6</i>	<i>17.556.606.600</i>	<i>17.584.678.900</i>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		21.527.934.817	22.106.702.685
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.971.328.217)	(4.522.023.785)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>7</i>	<i>10.205.906.969</i>	<i>22.977.872.913</i>
1. Phải thu khách hàng	131		10.219.600.177	20.447.850.120
2. Trả trước cho người bán	132		8.184.000	2.606.972.000
3. Phải thu khác	138		67.591.030	12.519.031
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(89.468.238)	(89.468.238)
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>277.868.433</i>	<i>20.868.435</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	256.999.998	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	15a	20.868.435	20.868.435
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.341.422.176	6.343.807.882
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>439.765.070</i>	<i>589.379.117</i>
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221	9	246.859.156	473.056.536
- Nguyên giá	222		6.433.218.835	6.433.218.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.186.359.679)	(5.960.162.299)
2. <i>Tài sản cố định vô hình</i>	227	10	192.905.914	116.322.581
- Nguyên giá	228		1.485.162.000	1.385.162.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.292.256.086)	(1.268.839.419)
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>5.901.657.106</i>	<i>5.754.428.765</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	43.215.717	71.523.644
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.971.974.574	4.050.378.341
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	1.800.124.685	1.546.184.650
4. Tài sản dài hạn khác	268	13	86.342.130	86.342.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.488.431.854	60.239.130.509

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2015 VND</i>	<i>01/01/2015 VND</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.858.857.369	10.760.812.456
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>24.858.857.369</i>	<i>10.760.812.456</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		24.000.000	131.193.985
3. Người mua trả tiền trước	313		211.250.000	187.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15b	64.421.409	25.425.094
5. Chi phí phải trả	316	16	509.698.130	215.120.439
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	23.024.495.706	10.176.580.814
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.992.124	24.992.124
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.629.574.485	49.478.318.053
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>48.629.574.485</i>	<i>49.478.318.053</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	58.619.400.000	58.619.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.779.850.000	1.779.850.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		808.893.187	808.893.187
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.578.568.702)	(11.729.825.134)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.488.431.854	60.239.130.509

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
1. Chứng khoán lưu ký	006		314.109.230.000	337.257.690.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		305.654.170.000	328.770.900.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		305.576.800.000	328.693.530.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		77.370.000	77.370.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		1.348.470.000	1.699.870.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		1.348.470.000	1.699.870.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027		7.036.300.000	5.248.200.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		7.036.300.000	5.248.200.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037		70.290.000	1.538.720.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		70.290.000	1.538.720.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		24.024.570.000	17.808.340.000
2.1. Chứng khoán giao dịch	051		23.939.570.000	17.723.340.000
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		23.938.570.000	17.722.340.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		1.000.000	1.000.000
2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		85.000.000	85.000.000
2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		85.000.000	85.000.000



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Vân
Người lập biểu

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
1. Doanh thu	01		4.503.973.998	7.005.656.945
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.347.277.197	4.527.072.437
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		68.256.000	156.116.200
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		375.000.000	383.636.363
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		57.128.602	65.913.549
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9	19	1.656.312.199	1.872.918.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		4.503.973.998	7.005.656.945
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	2.676.669.510	3.146.144.031
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		1.827.304.488	3.859.512.914
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	2.597.644.289	2.532.373.316
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(770.339.801)	1.327.139.598
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(770.339.801)	1.327.139.598
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22a	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22d	78.403.767	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(848.743.568)	1.327.139.598
15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(145)	226



Nguyễn Quốc Hùng
 Tổng Giám đốc
 Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Vân
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666


Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày
30 tháng 06 năm 2015**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
	(01/01/2014)	(01/01/2015)	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)	(30/06/2014)	(30/06/2015)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
3 Quỹ Dự phòng tài chính	808.893.187	808.893.187	-	-	-	-	808.893.187	808.893.187
4 LN chưa phân phối	(12.730.878.739)	(11.729.825.134)	1.327.139.598	-	-	(848.743.568)	(11.403.739.141)	(12.578.568.702)
Cộng	48.477.264.448	49.478.318.053	1.327.139.598	-	-	(848.743.568)	49.804.404.046	48.629.574.485



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc


Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoài Vân
Người lập biểu

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Từ 01/01/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014</i>
			<i>đến 30/06/2015</i>	<i>đến 30/06/2014</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		655.228.734	477.089.800
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(1.535.595.529)	(1.543.962.776)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(253.940.035)	-
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		250.232.449.734	293.239.131.628
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(219.728.619.632)	(283.414.433.634)
6. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(1.356.298.044)	(1.820.894.773)
7. Tiền chi trả cho người lao động	11		(2.247.824.238)	(2.229.727.442)
8. Tiền chi trả lãi vay	12		(13.541.667)	(420.016.667)
9. Tiền thu khác	14		17.228.161.935	33.246.311.501
10. Tiền chi khác	15		(18.215.392.027)	(44.863.157.157)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.764.629.231	(7.329.659.520)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.835.380.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.096.066	468.897.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.096.066	5.304.277.585

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.500.000.000	31.800.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.500.000.000)	(36.029.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>1.000.000.000</i>	<i>(4.229.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.794.725.297	(6.254.381.935)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	13.311.902.379	19.486.550.086
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	39.106.627.676	13.232.168.151



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc


Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoài Vân
Người lập biểu

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn cổ phần: 58.619.400.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 34 người, trong đó 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán này bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuận và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính	3	-	5	năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn và tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	399.298.869	631.965.213
Tiền gửi ngân hàng	38.707.328.807	12.679.937.166
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>22.553.573.792</i>	<i>9.424.897.405</i>
Cộng	39.106.627.676	13.311.902.379

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>
		<i>VND</i>
a) Cửa công ty chứng khoán	4.160	46.176.000
- Cổ phiếu	4.160	46.176.000
b) Cửa nhà đầu tư	65.266.857	933.833.542.000
- Cổ phiếu	65.266.857	933.833.542.000
Cộng	65.271.017	933.879.718.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Tình hình đầu tư tài chính

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
I. Chứng khoán thương mại	19.617.799.817	19.839.807.685
- Cổ phiếu niêm yết	4.049.029.817	4.271.037.685
- Cổ phiếu chưa niêm yết	15.568.770.000	15.568.770.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác (*)	1.910.135.000	2.266.895.000
III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.971.328.217)	(4.522.023.785)
- Cổ phiếu niêm yết	(3.312.042.217)	(3.485.940.285)
- Đầu tư ngắn hạn khác	(659.286.000)	(1.036.083.500)
Cộng	17.556.606.600	17.584.678.900

Trong đó:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	5.959.164.817	6.537.932.685
Khoản đầu tư không bị giảm giá/ rủi ro	15.568.770.000	15.568.770.000
Cộng	21.527.934.817	22.106.702.685

(*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phần Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày

30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán (VND)		So với giá thị trường (VND)				Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	Tăng		Giảm		30/06/2015	01/01/2015
					30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015		
I. Chứng khoán thương mại	75.928	80.088	4.049.029.817	4.271.037.685	-	-	(3.312.042.217)	(3.485.940.285)	736.987.600	785.097.400
1. Cổ phiếu niêm yết	75.928	80.088	4.049.029.817	4.271.037.685	-	-	(3.312.042.217)	(3.485.940.285)	736.987.600	785.097.400
ANV	75.840	80.000	4.047.374.172	4.269.382.040	-	-	(3.311.726.172)	(3.485.382.040)	735.648.000	784.000.000
NBC	83	83	1.313.617	1.313.617	-	-	(218.017)	(375.717)	1.095.600	937.900
SHB	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VCB	5	5	342.028	342.028	-	-	(98.028)	(182.528)	244.000	159.500
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	1.910.135.000	2.266.895.000	-	-	(659.286.000)	(1.036.083.500)	1.250.849.000	1.230.811.500
Cộng	75.928	80.088	5.959.164.817	6.537.932.685	-	-	(3.971.328.217)	(4.522.023.785)	1.987.836.600	2.015.908.900

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>01/01/2015 (VND)</i>			<i>Số phát sinh trong kỳ (VND)</i>		<i>30/06/2015 (VND)</i>			<i>Số dự phòng đã lập (VND)</i>
	<i>Tổng số</i>	<i>Số quá hạn</i>	<i>Số khó đòi</i>	<i>Tăng</i>	<i>(Giảm)</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Số quá hạn</i>	<i>Số khó đòi</i>	
- Phải thu của khách hàng	20.447.850.120	147.436.476	147.436.476	310.430.085.497	(320.658.335.440)	10.219.600.177	147.436.476	147.436.476	89.468.238
- Trả trước cho người bán	2.606.972.000	-	-	47.184.000	(2.645.972.000)	8.184.000	-	-	-
+ Ngắn hạn	2.606.972.000	-	-	47.184.000	(2.645.972.000)	8.184.000	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	108.156.407	(108.156.407)	-	-	-	-
- Phải thu khác	12.519.031	-	-	62.999.499	(7.927.500)	67.591.030	12.504.031	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phí quản lý thành viên	168.000.000	-
Phí đường truyền	54.999.998	-
Phí tư vấn phát hành chứng khoán	30.600.000	-
Chi phí chờ phân bổ khác	3.400.000	-
Cộng	256.999.998	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Số dư cuối kỳ	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.664.799.711	820.737.000	1.474.625.588	5.960.162.299
Khấu hao trong kỳ	206.092.289	-	20.105.091	226.197.380
Số dư năm	3.870.892.000	820.737.000	1.494.730.679	6.186.359.679
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	415.609.161	-	57.447.375	473.056.536
Số dư cuối kỳ	209.516.872	-	37.342.284	246.859.156

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.325.363.913 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.385.162.000
Mua trong kỳ	100.000.000
Số dư cuối kỳ	1.485.162.000
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.268.839.419
Khấu hao trong kỳ	23.416.667
Số dư năm	1.292.256.086
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	116.322.581
Số dư cuối kỳ	192.905.914

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.167.662.000 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015 VND</i>	<i>01/01/2015 VND</i>
Thiết bị, dụng cụ chờ phân bổ	43.215.717	71.523.644
Cộng	43.215.717	71.523.644

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015 VND</i>	<i>01/01/2015 VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.149.258.683	895.318.648
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	530.866.002	530.866.002
Cộng	1.800.124.685	1.546.184.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	76.342.130	76.342.130
Ký quỹ mở thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Cộng	86.342.130	86.342.130

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>01/01/2015</i>	<i>Số vay trong kỳ</i>	<i>Số trả trong kỳ</i>	<i>30/06/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vay cá nhân	-	4.500.000.000	(3.500.000.000)	1.000.000.000
Cộng	-	4.500.000.000	(3.500.000.000)	1.000.000.000

Số dư cuối kỳ là khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 13%/năm và không có tài sản đảm bảo.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Thuế nộp thừa

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Cộng	20.868.435	20.868.435

b. Thuế phải nộp

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	29.551.932	19.587.634
Thuế thu nhập cá nhân	34.869.477	2.177.460
Các loại thuế khác	-	3.660.000
Cộng	64.421.409	25.425.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay	3.611.111	-
Lãi trả nhà đầu tư	10.673.644	8.765.073
Chi phí hoạt động	462.913.375	141.355.366
Chi phí phải trả khác	32.500.000	65.000.000
Cộng	509.698.130	215.120.439

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư trong nước	22.553.684.325	9.424.871.050
Bảo hiểm xã hội	42.697.200	-
Bảo hiểm y tế	7.389.900	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.284.400	-
Cổ tức phải trả	90.975.647	320.649.297
Thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng chứng khoán, cổ phiếu	298.290.239	404.288.998
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.173.995	26.771.469
Cộng	23.024.495.706	10.176.580.814

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin và Truyền thông Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
Cộng	100,00	58.619.400.000	58.619.400.000

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. DOANH THU KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi	61.840.066	104.804.287
Doanh thu hoạt động ký quỹ	998.843.840	362.497.582
Doanh thu khác	595.628.293	1.405.616.527
Cộng	1.656.312.199	1.872.918.396

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí môi giới kinh doanh	279.980.151	500.691.165
Chênh lệch lỗ bán các khoản đầu tư chứng khoán	175.831.868	20.006.383
Chi phí hoạt động tư vấn	-	31.818.182
Chi phí lưu ký chứng khoán	85.069.765	92.634.165
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(550.695.568)	(394.954.583)
Chi phí khác	2.686.483.294	2.895.948.719
Cộng	2.676.669.510	3.146.144.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014</i>
	<i>đến 30/06/2015</i>	<i>đến 30/06/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí nhân viên	1.703.844.052	1.595.973.194
Chi phí vật liệu quản lý	22.610.000	63.698.500
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	16.648.180	39.416.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.016.717	122.062.770
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi, phải trả	-	(279.584.333)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.890.527	498.937.864
Chi phí bằng tiền khác	342.634.813	488.868.860
Cộng	2.597.644.289	2.532.373.316

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1)	(770.339.801)	1.327.139.598
<i>Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
- Điều chỉnh tăng (2)	103.028.150	-
- (Điều chỉnh giảm) (3)	(68.256.000)	-
Thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) + (3)	(735.567.651)	1.327.139.598
Chuyển lỗ kỳ trước (5)	-	(1.327.139.598)
Thu nhập tính thuế (6) = (4) + (5)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

c. Chuyển lỗ

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh</i>	<i>Số lỗ đã chuyển/hết hạn</i>	<i>Lỗ còn được chuyển</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
2010 - 2015	811.837.793	811.837.793	-
2011 - 2016	10.072.196.986	902.322.477	9.169.874.509
2012 - 2017	6.129.316.466	-	6.129.316.466
2013 - 2018	3.825.114.243	-	3.825.114.243
2015 - 2020	735.567.651	-	667.311.651
Cộng	21.574.033.139	1.714.160.270	19.859.872.869

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại trị giá 3.971.974.574 đồng từ khoản lỗ lũy kế nói trên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

d. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (“tài sản thuế TNHL”)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014</i>
	<i>đến 30/06/2015</i>	<i>đến 30/06/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu kỳ (1)	4.050.378.341	4.050.378.341
<i>Tài sản thuế TNHL phát sinh trong kỳ</i>		
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (2)	147.113.530	-
Khoản hoãn nhập tài sản thuế TNHL đã được ghi nhận từ các năm trước (3)	(225.517.297)	-
Số dư cuối kỳ (1) + (2) + (3)	3.971.974.574	4.050.378.341

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014</i>
	<i>đến 30/06/2015</i>	<i>đến 30/06/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(848.743.568)	1.327.139.598
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	(848.743.568)	1.327.139.598
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	5.861.940	5.861.940
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(145)	226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>30/06/2015</i>		<i>01/01/2015</i>		<i>30/06/2015</i>	<i>01/01/2015</i>
	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính						
Đầu tư ngắn hạn khác	21.527.934.817	3.971.328.217	22.106.702.685	4.522.023.785	17.556.606.600	17.584.678.900
Phải thu khách hàng	10.219.600.177	89.468.238	20.447.850.120	89.468.238	10.130.131.939	20.358.381.882
Trả trước cho người bán	8.184.000	-	2.606.972.000	-	8.184.000	2.606.972.000
Phải thu khác	67.591.030	-	12.519.031	-	67.591.030	12.519.031
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.106.627.676	-	13.311.902.379	-	39.106.627.676	13.311.902.379
Cộng	70.929.937.700	4.060.796.455	58.485.946.215	4.611.492.023	66.869.141.245	53.874.454.192
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-
Phải trả người bán	24.000.000	-	131.193.985	-	24.000.000	131.193.985
Người mua trả tiền trước	211.250.000	-	187.500.000	-	211.250.000	187.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	64.421.409	-	25.425.094	-	64.421.409	25.425.094
Chi phí phải trả	509.698.130	-	215.120.439	-	509.698.130	215.120.439
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23.024.495.706	-	10.176.580.814	-	23.024.495.706	10.176.580.814
Cộng	24.833.865.245	-	10.735.820.332	-	24.833.865.245	10.735.820.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường;
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Đối với các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao, giá trị hợp lý cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường chứng khoán.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng của Công ty được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức do Ban Giám đốc Công ty phê duyệt. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một khách hàng nhất định. Ngoài ra, Công ty quản lý tài sản của khách hàng nên cũng hạn chế rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
30/06/2015				
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán	24.000.000	-	-	24.000.000
Người mua trả tiền trước	211.250.000	-	-	211.250.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	64.421.409	-	-	64.421.409
Chi phí phải trả	509.698.130	-	-	509.698.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.024.495.706	-	-	23.024.495.706
01/01/2015				
Phải trả người bán	131.193.985	-	-	131.193.985
Người mua trả tiền trước	187.500.000	-	-	187.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.425.094	-	-	25.425.094
Chi phí phải trả	215.120.439	-	-	215.120.439
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.176.580.814	-	-	10.176.580.814

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá (tiếp theo)

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn, giảm giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> <i>VND</i>	<i>Giảm giá</i> <i>VND</i>
Các khoản đầu tư	21.527.934.817	1.910.135.000	5.461.699.817
Phải thu khách hàng	10.219.600.177	147.436.476	89.468.238
Phải thu khác	67.591.030	12.504.031	-

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2015</i>	<i>Từ 01/01/2014</i>
	<i>đến 30/06/2015</i> <i>VND</i>	<i>đến 30/06/2014</i> <i>VND</i>
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	734.518.478	626.766.671

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 và các Báo cáo tài chính năm 2014 đã được soát xét và kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Vân
Người lập biểu

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015